

# TƯ DUY KHÁI NIỆM TRONG TÁC PHẨM KHOA HỌC LOGIC (1816) CỦA HEGEL VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN

CONCEPTUAL THINKING IN HEGEL'S SCIENCE OF LOGIC (1816)  
AND ITS SIGNIFICANCE FOR THE DEVELOPMENT OF CRITICAL THINKING

TRẦN NHẬT KHANG<sup>(\*)</sup>

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 23-9-2025            Ngày biên tập xong: 22-11-2025            Ngày duyệt đăng: 30-11-2025            Mã số: TCKH54-21-2025            ISSN: 2525 – 2429</p> <p><b>Từ khóa:</b> Hegel; Khoa học Logic; tư duy khái niệm; tư duy phản biện; biện chứng.</p> <p><b>Key words:</b> Hegel; Science of Logic; conceptual thinking; critical thinking; dialectics.</p>	<p>Bài viết khảo sát nội dung tư duy khái niệm trong tác phẩm Khoa học Logic (1816) của G.W.F. Hegel và phân tích ý nghĩa của nó đối với sự phát triển tư duy phản biện trong bối cảnh hiện đại. Theo Hegel, tư duy khái niệm không chỉ là phương tiện nhận thức lý luận mà còn là động lực nội tại của tồn tại, mang tính khách quan và cấu trúc biện chứng. Bài viết làm rõ ba cơ chế chủ yếu của tư duy khái niệm: Giác tính, lý tính phủ định và lý tính khẳng định; đồng thời chỉ ra vai trò của các phạm trù như mâu thuẫn, phủ định và vượt bỏ (Aufhebung) trong sự vận động của tư duy. Tư duy khái niệm cho phép mỗi cá nhân vượt qua tính phân đôi và nhận thức sự vật trong tính toàn thể, từ đó góp phần định vị lại tư duy phản biện không chỉ như một kỹ năng phân tích, mà còn là hình thức tư duy triết học, gắn với siêu nhận thức và sự phát triển của tinh thần. Bài viết đề xuất rằng việc ứng dụng tư duy khái niệm theo tinh thần Hegel có thể trở thành nền tảng lý luận quan trọng cho việc rèn luyện và nâng cao tư duy phản biện trong giáo dục hiện đại.</p> <p><b>ABSTRACT:</b> This article explores the content of conceptual thinking in G.W.F. Hegel's Science of Logic (1816) and analyzes its significance for the development of critical thinking in the modern context. According to Hegel, conceptual thinking is not merely a cognitive tool but an immanent dynamic of being, with an objective and dialectical structure. The paper clarifies three main mechanisms of conceptual thinking - understanding, negative reason, and affirmative reason - and emphasizes the role of categories such as contradiction, negation, and sublation (Aufhebung) in its development. Conceptual thinking enables individuals to transcend dualistic perspectives and comprehend objects in</p>

<sup>(\*)</sup> NCS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, khangtuyet2015@gmail.com

*their totality. As such, it redefines critical thinking not simply as a set of analytical skills but as a philosophical mode of thought, rooted in metacognition and the evolution of spirit. The article suggests that applying Hegelian conceptual thinking may offer a theoretical foundation for cultivating and enhancing critical thinking in contemporary education.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học-công nghệ hiện nay, năng lực tư duy phản biện đã trở thành một yêu cầu thiết yếu trong giáo dục, khoa học và đời sống công dân. Việc trở lại với những nền tảng triết học cổ điển có thể mở ra những hướng tiếp cận mới mẻ và căn bản hơn đối với vấn đề này. Trong lịch sử triết học phương Tây, Hegel là một triết gia để lại di sản tư tưởng đồ sộ và có ảnh hưởng sâu rộng. Tác phẩm *Khoa học Logic (Wissenschaft der Logik/The Science of Logic, 1816)* được xem là công trình triết học trọng tâm trong hệ thống triết học của Hegel, trong đó ông trình bày một cách hệ thống quá trình vận động và phát triển của “tư duy khái niệm” (begriffliches Denken/Conceptual Thinking). Việc nghiên cứu tư duy khái niệm trong *Khoa học Logic* không chỉ giúp hiểu rõ cấu trúc nội tại của hệ thống Hegel, mà còn gợi mở những cách thức sâu sắc để xác định lại tư duy phản biện trên nền tảng biện chứng. Bài viết khảo sát về nội dung của tư duy khái niệm theo cách hiểu của Hegel trong *Khoa học Logic*, đồng thời phân tích ý nghĩa của nó đối với việc phát triển tư duy phản biện: 1) Trình bày tổng quát tư tưởng của Hegel về khái niệm trong *Khoa học Logic*; 2) Phân tích những nội dung chủ yếu của tư duy khái niệm được Hegel thể hiện trong tác phẩm *Khoa học Logic*; 3) Rút ra những ý nghĩa của nó đối với việc phát triển tư duy phản biện trong bối cảnh tri thức hiện đại. Qua đó, bài viết góp phần gợi mở một hướng

tiếp cận tư duy phản biện không chỉ như một kỹ năng mà còn như một quá trình triết học sâu sắc.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Tư duy khái niệm trong tác phẩm *Khoa học Logic (1816)* của Hegel

Tác phẩm *Khoa học Logic* của Hegel nỗ lực làm rõ tiến trình để chủ thể có được các khái niệm trong nhận thức và đạt được tư duy ở cấp độ khái niệm (chứ không dừng lại ở những biểu tượng cảm tính). Điều đáng chú ý là Hegel không hiểu khái niệm chỉ theo nghĩa là một hình thức chủ quan của tư duy, mà còn khẳng định về nội dung mang tính khách quan của khái niệm. Trong *Khoa học Logic*, ông viết về điều này như sau: “*Khi chúng ta nói về sự vật, chúng ta gọi bản tính vốn có hay bản chất của chúng là khái niệm của chúng, và khái niệm này chỉ dành cho tư duy... Khái niệm mang tính khách quan cấu thành bản chất của chúng, chúng ta không thể rời khỏi điều này, không thể đứng trên nó, và chúng ta càng không thể tách khỏi bản chất của sự vật*” [6, tr.15]. Với Hegel, khái niệm không chỉ là những thuật ngữ (tiếng Anh: term) được sử dụng để tư duy mà còn gắn với bản chất khách quan của các sự vật. Khái niệm không chỉ là quy định trừu tượng đơn thuần của tư duy, mà là động lực bên trong của thực tại. Do đó, có thể nói Hegel đề cập đến “khái niệm” theo nghĩa vừa là “cơ chế” của tồn tại khách quan (sự tổng hòa các yếu tố cấu thành, nguyên lý, quy luật của sự vận động, phát triển của các sự vật) vừa là quy định của

tư duy chủ quan - thông qua đó, con người xác lập quá trình tư duy và nội dung tư tưởng của chính mình. Như vậy, khái niệm thể hiện quan hệ tương hỗ hay sự tương tác giữa tư duy và tồn tại, ý thức và đối tượng, con người và thế giới khách quan. Thậm chí, Hegel nhận định rằng “*Cái tồn tại tự-mình-và-cho-mình là khái niệm có ý thức và khái niệm là tồn tại-tự-mình-và-cho-mình*” [6, tr.29]. Điều này không có nghĩa là Hegel đồng nhất khái niệm và tồn tại một cách tùy tiện, mà hàm ý của ông chính là khái niệm thể hiện những nội dung mang tính bản chất của tồn tại nói chung và của những dạng tồn tại cụ thể nói riêng.

Với Hegel, tư duy khái niệm là phương thức tư duy gắn với hệ thống các khái niệm, phạm trù nhằm thấu hiểu về cơ sở tồn tại và bản chất của cả tồn tại và tư duy. Hegel chú ý phân biệt tư duy dựa trên khái niệm với tư duy dựa trên hình ảnh, biểu tượng. Ông nhấn mạnh rằng tư duy khái niệm là đặc điểm mà gần như chỉ triết học mới có được; lịch sử triết học thực chất là lịch sử phát triển của tư duy khái niệm, và chỉ trong lĩnh vực triết học, tư duy khái niệm của con người có thể đạt đến đỉnh cao. Tư duy khái niệm không đơn thuần là mô tả thế giới, mà là làm cho thế giới cảm tính trở thành “thế giới khả niệm”, trở nên rõ ràng trong ý thức - ý thức này không đối lập với thế giới, mà là chính sự triển khai của thế giới trong hình thức tinh thần.

Hegel chỉ ra rằng tư duy khái niệm của con người dựa trên “bộ khái niệm công cụ” hoặc hệ thống các khái niệm, phạm trù. Trong *Khoa học Logic*, Hegel viết một cách sắc sảo như sau: “*Tư duy cần đến mạng lưới của các phạm trù của nó và được chia thành những chất liệu vô cùng đa dạng. Trên mạng lưới này luôn có những nút thắt, được buộc chắc chắn hơn những cái khác, mang lại sự vững chắc và định hướng cho đời sống và ý thức của tinh thần; chúng có sự vững chắc và sức mạnh của mình chỉ đơn giản bởi chúng đã được đưa ra trước ý thức, chúng hiện*

*tồn như những khái niệm độc lập thuộc về bản chất thiết yếu của ý thức*” [6, tr.17]. Đằng sau cách viết mang tính “tư biện” khó hiểu đặc trưng cho Hegel, ý tưởng cơ bản của ông chính là hệ thống các khái niệm, phạm trù do *Khoa học Logic* xác lập có thể giúp tư duy của con người thấu hiểu được bản chất và cấu trúc của tồn tại - bản thân những khái niệm đó cũng chính là những quy định, những yếu tố cấu thành cơ chế của tồn tại. Chính vì vậy, tư duy khái niệm có năng lực xác lập những tri thức đúng đắn về các đối tượng tồn tại khách quan và về thế giới khách quan. Khác với Kant - người cho rằng, con người chỉ biết về đối tượng trong tương quan với tư duy (hiện tượng) nhưng không thể hiểu được đối tượng trong chính bản thân nó (vật-tự-thân), Hegel cho rằng tư duy khái niệm có thể nắm bắt một cách triệt để bản chất của đối tượng, từng bước biến “vật-tự-thân” thành “vật-cho-ta”.

Cụ thể hơn, tư duy khái niệm nắm bắt những đối tượng “xa lạ” bên ngoài và biến chúng thành những đối tượng “quen thuộc”. Theo cách hiểu của Hegel, “*Mọi cái ban đầu có thể được coi là xa lạ với tư duy, nhưng cuối cùng chỉ có thể được nắm bắt thông qua tư duy, bởi vì bản thân sự độc lập khách quan của mọi cái được xác định bởi các quy định của tư duy*” [7, tr.227]. Trong *Khoa học Logic*, Hegel kiến tạo hệ thống các phạm trù (bao gồm chất, lượng, hạn độ, bản chất, hiện tượng, tất nhiên, ngẫu nhiên, thực thể, tùy thể, phổ biến, đặc thù, cá biệt...) với những nội dung sâu sắc. Thông qua hệ thống phạm trù này, tư duy khái niệm có thể “nội tâm hóa” những nội dung thuộc về tồn tại khách quan và chuyển những nội dung đó từ lĩnh vực thực tại vào lĩnh vực lý tưởng. Hegel chú ý đến “tính lý tưởng” (Idealität/ideality) của tư duy khái niệm theo nghĩa rằng các phạm trù của tư duy có thể xác định các nội dung và đặc điểm của tồn tại; tư duy khái niệm xác định được cấu trúc, bản chất và các quy luật của tồn tại thông qua các khái niệm, phạm trù. Nói cách

khác, cấu trúc, bản chất và quy luật của tồn tại có thể được hệ thống hóa và thể hiện dưới hình thức khái niệm hợp lý; các mô hình của tư duy chính là các mô hình của tồn tại. Vì thế, sự phát triển của tư duy khái niệm cho phép con người nhận thức ngày càng cụ thể hơn, căn kẽ hơn, sâu sắc hơn về các đối tượng, đồng thời mở rộng biên độ “thế giới quan” của con người. Các khái niệm, phạm trù vươn đến đâu, thì thế giới quan vươn đến phạm vi tương ứng.

Khi đi sâu khảo sát và phân tích về tư duy khái niệm, Hegel chỉ ra những cơ chế chủ yếu của loại hình tư duy này là: Giác tính, lý tính phủ định và lý tính khẳng định. Trong *Khoa học Logic*, Hegel viết, “*Giác tính xác định và nắm giữ những quy định cố định*” [6, tr.10]. Trong *Bách khoa thư I: Khoa học Logic*, Hegel trình bày cụ thể hơn: *Giác tính “dừng lại ở tính quy định cứng nhắc... và ở sự phân biệt với những tính quy định khác”* [5, tr.126]. Như vậy, giác tính được xem là năng lực của tư duy nhằm xác định nội dung và phạm vi của những quy định hữu hạn (đó có thể là sự vật hoặc khái niệm...), đồng thời thiết lập giới hạn của chúng và phân biệt cái này với cái khác. Theo cách nhìn của Hegel, đặc trưng của giác tính là phương cách tư duy theo kiểu phân đôi “hoặc là-hoặc là”, nhưng chưa nhận thấy mối liên hệ và sự chuyển hóa giữa sự vật này với sự vật khác, giữa khái niệm này với khái niệm khác. Trong khi đó, *lý tính phủ định* là “*Sự tự-vượt bỏ của chính những quy định hữu hạn ấy và là sự chuyển hóa chúng thành những cái đối lập của chúng*” [5, tr.128]. Như vậy, lý tính phủ định vượt qua sự phân đôi cứng nhắc “hoặc là-hoặc là”, nó là năng lực của tư duy để nhận biết được sự tương tác và chuyển hóa lẫn nhau giữa những cái đối lập (hay mặt đối lập). Nó có thể vạch rõ mâu thuẫn nội tại trong các quan điểm của giác tính về bất kỳ vấn đề nào, từ đó vượt qua những hạn chế cố hữu của giác tính. Lý tính khẳng định “*Nắm bắt sự thống nhất của những quy định ở trong sự đối lập của chúng,*

*[nắm bắt] cái khẳng định được chứa đựng trong sự giải thể và sự chuyển hóa của chúng*” [5, tr.132]. Lý tính khẳng định có khả năng nhận thức được sự thống nhất biện chứng của các mặt đối lập và nhận thức được toàn thể. Nó hiểu được rằng mỗi sự vật hoặc mỗi khái niệm vừa là nó vừa không là nó. Lý tính khẳng định là cơ chế bao quát nhất, nó không loại trừ mà hàm chứa cả giác tính và tư duy khái niệm. Với lý tính khẳng định, tư duy thấu hiểu về toàn thể của các sự vật tồn tại khách quan và của các khái niệm thuộc về tư duy.

Tư duy khái niệm thực chất là tư duy về toàn thể. Theo Hegel, “*Đối tượng đích thực duy nhất chính là toàn thể, được hiểu là một hệ thống phân hóa nội tại (Internally-Differentiated System)*” [9, tr.27]. Triết học Hegel có thể được xem là một dạng của “chủ thuyết toàn thể” (Holism), tập trung nghiên cứu về thế giới (cả tồn tại khách quan và tư duy chủ quan) với tư cách là một *toàn thể*. Trong đó, hệ thống các phạm trù của logic (như chất, lượng, hạn độ, bản chất, hiện tượng, tất nhiên, ngẫu nhiên, thực thể, phổ biến, đặc thù, cá biệt...) đặt cơ sở cho cả sự tồn tại của toàn bộ thế giới và tư duy của nhân loại. Đồng thời, các phạm trù này được tư duy khái niệm áp dụng để phát lộ toàn bộ bản chất của các đối tượng. Để hiểu đúng về một đối tượng bất kỳ, con người cần xem xét nó trong tính toàn thể hay tính chỉnh thể. Hegel nhấn mạnh, “*Chân lý là toàn thể*” [4, tr.11]. Quan niệm của Hegel có hai ý nghĩa chủ yếu: 1) Chân lý của mỗi sự vật hữu hạn gắn với “mạng lưới” các mối liên hệ phổ biến, sự vật chỉ thể hiện đầy đủ chính mình trong tương quan với những sự vật khác; 2) Chân lý của mỗi sự vật chính là toàn bộ những quy định, bộ phận, yếu tố, phương diện... cấu thành nó và là toàn bộ tiến trình vận động, biến đổi, phát triển của nó. Tư duy khái niệm có thể hiểu được cả hai ý nghĩa nói trên, nên nó hoàn toàn có khả năng hiểu được chân lý của sự vật.

Như đã trình bày ở phần trên, Khoa học Logic của Hegel được hiểu là khoa học về tư duy, nó nghiên cứu về tiến trình biện chứng của tư duy, cụ thể là của tư duy khái niệm. Tiến trình đó được Hegel phát lộ như sau: “Tồn tại” (Sein/Being) → “Bản chất” (Wesen/Essence) → “Khái niệm” (Begriff/Concept). Ba giai đoạn trong tiến trình biện chứng của tư duy khái niệm được Hegel lần lượt nghiên cứu trong học thuyết về tồn tại, học thuyết về bản chất, học thuyết về khái niệm - đó cũng là ba phần chính của khoa học logic. trong học thuyết về tồn tại, tư duy nhận thức biết được những yếu tố trực tiếp hay về “bề mặt” của tồn tại. Tiếp sau đó, trong học thuyết về bản chất, tư duy vượt qua tính trực tiếp để thâm nhập vào “chiều sâu” của tồn tại, nhận biết được những mối liên hệ nội tại, căn bản, phổ biến, tất yếu. Sau cùng, trong học thuyết về khái niệm, tư duy thấu hiểu toàn vẹn về bản chất và cơ chế của tồn tại cũng như về những quy định của bản thân tư duy, đồng thời thấu hiểu đầy đủ về bản chất của khái niệm nói chung. Khi đó, tư duy trở thành tư duy khái niệm thực thụ. Tư duy khái niệm đạt đến đỉnh cao ở phạm trù “ý niệm tuyệt đối” - đó là sự hòa hợp của tư duy và tồn tại, chủ thể và đối tượng, lý thuyết và thực tiễn [6, tr.735]. Thực chất, tác phẩm *Khoa học Logic* của Hegel trình bày quá trình vận động và phát triển của tư duy khái niệm để thấu hiểu chân lý dựa trên nguyên lý về sự đồng nhất biện chứng của tư duy và tồn tại, quá trình tư duy này đi từ sự hiện diện trực tiếp (tồn tại) mang tính khách quan đến những mối liên hệ nội tại, tất yếu, phổ biến, căn bản (bản chất) cũng mang tính khách quan; cuối cùng được hoàn tất và được khái quát hóa (ở trình độ lý thuyết) bằng năng lực tự giác của tư duy (khái niệm) mang tính chủ quan. Những cấp độ phát triển của ý niệm tuyệt đối thực chất là những cấp độ phát triển của tư duy. Khi đã trình bày toàn bộ các chặng đường phát triển của Logic và đi đến điểm kết ở ý niệm tuyệt đối, Hegel đã

bước đầu nhận ra sự tương ứng giữa lý thuyết và hoạt động thực tiễn là điều kiện căn bản để đạt đến chân lý, nghĩa là để xác lập tri thức khoa học - sự tương ứng này thể hiện ở ý niệm tuyệt đối (tất nhiên, ông vẫn diễn đạt điều này bằng cách viết trừu tượng và mang tính duy tâm của mình).

Từ những nội dung trên, có thể thấy, Hegel quan niệm “*Con đường của tư duy không phải là tuyến tính hay được định trước, mà là một sự tiến triển biện chứng*” [7, tr.229]. Ông xác định cơ chế vận hành chủ yếu của tư duy khái niệm/tư duy biện chứng là sự phủ định (die Negation/Negation) và sự vượt bỏ (Aufhebung/Sublation). Với Hegel, “*Cái thúc đẩy [tư duy] khái niệm tiến xa hơn chính là sự phủ định...; chính điều này tạo thành yếu tố biện chứng đích thực*” [6, tr.34]. Quá trình phủ định có hai khâu: Phủ định thứ nhất thực chất làm phát sinh mâu thuẫn của cái đang tồn tại, phủ định thứ hai là sự “vượt bỏ” mâu thuẫn, là sự giải quyết mâu thuẫn. Trong phép biện chứng của mình, Hegel thường sử dụng danh từ *die Aufhebung* và động từ *aufheben* trong tiếng Đức, được dịch là “*sự vượt bỏ*” và “*vượt bỏ*”. Với Hegel, “*từ aufheben có ba nghĩa chính: 1) Hủy bỏ, thủ tiêu; 2) Nâng lên; 3) Bảo lưu, giữ lại. Cách dùng [từ aufheben] của Hegel thường hàm chứa đồng thời cả ba nghĩa này*” [9 tr.74]. Sự vượt bỏ chính là cốt lõi của phủ định, theo đó, cái cũ bị cái mới phủ định, cái mới vừa loại bỏ những yếu tố tiêu cực của cái cũ, vừa bảo lưu và nâng cao những yếu tố tích cực của cái cũ. Hegel thể hiện được nội dung cốt lõi của sự phát triển: Cái cũ bị phủ định bởi cái mới ở trình độ cao hơn, nhưng cái mới hình thành trên cơ sở kế thừa và phát triển những yếu tố tích cực của cái cũ.

Một nội dung quan trọng nữa của tư duy khái niệm hay tư duy biện chứng theo quan niệm của Hegel chính là mâu thuẫn. Trong cuốn *Khoa học Logic*, Hegel đã đưa ra những ý tưởng về cái phủ định và cái khẳng định với tư cách là những

*mặt đối lập*, theo nghĩa rằng chúng vừa gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau, không tách rời nhau, vừa tồn tại và vận động theo những khuynh hướng trái ngược nhau. Từ đó, “*Sự khẳng định và sự phủ định thiết định nên mâu thuẫn*” [3, tr.65]. Với Hegel, mâu thuẫn hình thành khi có cái khẳng định và cái phủ định tương tác với nhau, đồng thời hướng đến việc triệt tiêu nhau. Mâu thuẫn không có tính chủ quan đơn thuần, cũng không phải bắt nguồn từ những sai lầm của tư duy, mà “... Nguyên tắc của mọi sự tự-vận động không có ở đâu khác hơn là trong [sự trình hiện mâu thuẫn của] cùng một cái. Sự vận động hiển lộ và mang tính trực quan chính là mâu thuẫn đang tồn tại một cách trực tiếp. Một sự vật vận động... bởi vì trong một và cùng một thời điểm, nó vừa ở đây vừa không ở đây, nó vừa là nó vừa không là nó. ... vận động chính là mâu thuẫn đang tồn tại...” [3, tr.76]. Hegel nhận thấy, mâu thuẫn chính là nguyên tắc của sự tự-vận động, là xung lực của sự sống, là động lực của sự phát triển. Bản thân các sự vật, hiện tượng có sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, bao hàm mâu thuẫn trong chính mình. Quá trình phát triển của tư duy khái niệm thực chất là quá trình liên tục tạo lập và giải quyết mâu thuẫn, từ cấp độ này chuyển đến cấp độ khác cao hơn. Hegel đặc biệt chú ý đến mâu thuẫn trong khái niệm, ông nhận định rằng mọi khái niệm hữu hạn đều có “mâu thuẫn” vì chúng có tính cục bộ, phiến diện và ý nghĩa của chúng thường gắn với những khái niệm đối lập với chúng”. Do đó, “*Hegel tập trung chính xác vào tính tất yếu và chức năng tích cực của mâu thuẫn*” [8, tr.333], ông xem đó là một yếu tố hiển nhiên và cần thiết trong sự phát triển của tinh thần, là điều mà tư duy khái niệm và triết học biện chứng cần phải đối diện và giải quyết. Nhiệm vụ của tư duy khái niệm chính là vượt qua giới hạn và nhận thức được mâu thuẫn của từng khái niệm và giữa các khái niệm với nhau, từ đó thúc đẩy tri thức phát triển không ngừng nhằm đạt đến chân lý.

Tựu trung lại, có thể khái quát một số nội dung về tư duy khái niệm theo cách tiếp cận của Hegel như sau: 1) Tư duy khái niệm có năng lực vượt qua “sự phân cách” giữa chủ thể và đối tượng, thấu hiểu được bản chất của tồn tại và của bản thân tư duy; 2) Tư duy khái niệm có những cơ chế chủ yếu của là giác tính, lý tính biện chứng và lý tính tư biện; với ba cơ chế này, tư duy khái niệm vừa nắm bắt được phạm vi và giới hạn của các quy định hữu hạn (sự vật, khái niệm...) vừa hiểu được sự giải thể, chuyển hóa và thống nhất của chúng; 3) Tư duy khái niệm không phải “nhất thành bất biến” mà trải qua tiến trình vận động và phát triển, sự hiện diện trực tiếp (lĩnh vực của tồn tại) đến những mối liên hệ nội tại, tất yếu, phổ biến, căn bản (lĩnh vực của bản chất), được hoàn tất và được khái quát hóa trong hình thức khái niệm hợp lý; 4) Tư duy khái niệm thực chất là tư duy biện chứng, nó vận hành dựa trên sự phủ định và sự vượt bỏ của các khái niệm, phạm trù; các khái niệm, phạm trù hình thành sau có sự kế thừa và phát triển những nội dung tích cực, đồng thời loại bỏ những nội dung không còn phù hợp từ những khái niệm, phạm trù đã xuất hiện từ trước. Tư duy biện chứng còn gắn với quá trình liên tục tạo lập và giải quyết mâu thuẫn, mâu thuẫn chính là động lực phát triển của tư duy khái niệm.

## **2.2. Ý nghĩa của tư duy khái niệm trong *Khoa học Logic (1816)* của Hegel đối với sự phát triển của tư duy phản biện**

Trong bối cảnh xã hội và đời sống hiện đại, tư duy phản biện (Critical Thinking) ngày càng được xem là một trong những năng lực cốt lõi của con người, đặc biệt là trong việc đối mặt với các vấn đề phức tạp của thời đại. Tuy nhiên, nếu chỉ hiểu tư duy phản biện như một tập hợp các kỹ năng lý luận, phân tích hay phản bác, thì cái nhìn ấy vẫn còn chưa toàn diện. Để đạt đến chiều sâu, tư duy phản biện cần được đặt trên nền tảng triết học vững chắc. Nhìn từ góc độ này, tác phẩm *Khoa học Logic (1816)* của Hegel có thể cung cấp một cơ sở lý thuyết

cho tư duy phản biện thông qua tư duy khái niệm mà ông đã dày công xây dựng.

Một điều đáng chú ý là các học giả nghiên cứu về tư duy phản biện cho rằng, chính bản thân loại hình tư duy này có nguồn gốc từ lịch sử triết học, cụ thể là triết học Hy Lạp cổ đại. Chẳng hạn, nhà nghiên cứu Shaiel Ben-Erhrain trong cuốn *Tư duy phản biện - Từ làm quen đến thói quen* cho rằng tư duy phản biện phát xuất từ phương pháp đặt câu hỏi và đối thoại liên tục của triết gia Socrates. Từ đó, ông dẫn ra một định nghĩa tương đối mạch lạc về tư duy phản biện: “*Tư duy phản biện là quá trình đánh giá có mục đích, tự kiểm soát nhằm làm sáng tỏ, phân tích, đánh giá và suy luận, cũng như giải thích về các bằng chứng, khái niệm, phương pháp luận, tiêu chí hoặc ngữ cảnh của đánh giá*” [1, tr.16]. Theo định nghĩa này, tư duy phản biện chính là quá trình mà con người - với vai trò là chủ thể tư duy hay chủ thể nhận thức - suy tư và đánh giá về chính các hình thức, phương cách và thao tác tư duy của chính mình, từ đó kiến tạo tư duy có hệ thống và hợp logic. Thậm chí, tư duy phản biện còn được quan niệm rằng nó gắn với “siêu nhận thức”. “*Siêu nhận thức nghĩa là nhận thức và kiểm soát được quá trình xử lý thông tin của mình; đó là một quá trình phản tư được gọi là ‘tư duy về việc tư duy’*” [2, tr.115], vì thế, siêu nhận thức cung cấp cơ sở lý thuyết cho tư duy phản biện. Từ góc độ này, tư duy khái niệm trong *Khoa học Logic* (1816) của Hegel có thể được xem là một dạng “siêu nhận thức” đối với tư duy phản biện, bản thân nó chú ý xem xét về chính quá trình của tư duy hay “tư duy về bản thân tư duy”. Tư duy khái niệm theo cách tiếp cận của Hegel làm rõ tiến trình vận động và phát triển của tư duy con người nói chung từ “bề mặt trực tiếp” đến “chiều sâu” gắn với những mối liên hệ nội tại, tất yếu, phổ biến, căn bản, và khái quát hóa về “toàn thể” trong hình thức khái niệm. Đây cũng được xem là con

đường phát triển tất yếu của tư duy phản biện nhằm lĩnh hội được sự thật hay chân lý.

Để củng cố cơ sở lý thuyết cho những yêu cầu này, triết học Hegel - đặc biệt là tư duy khái niệm (Begriffliches Denken) - có thể đóng vai trò quan trọng. Tư duy khái niệm theo Hegel là tư duy của cái toàn thể, của những mối liên hệ nội tại và tất yếu. Trong *Khoa học Logic*, Hegel nổi tiếng với khẳng định rằng: “Chân lý là toàn thể” (“*Das Wahre ist das Ganze*”). Điều này không chỉ hàm ý rằng chân lý không thể được nắm bắt một cách phiến diện, mà còn đòi hỏi tư duy phải vận động qua toàn bộ quá trình phát triển, mâu thuẫn và hòa giải để đạt đến nhận thức đúng đắn về bản chất. Trong ánh sáng đó, tư duy phản biện - nếu được đặt trên nền tảng của tư duy khái niệm Hegel - không dừng lại ở việc phân tích từng luận điểm riêng rẽ hay phát hiện mâu thuẫn bề ngoài, mà vươn đến khả năng nhận thức tính hệ thống, tính vận động và tính tất yếu nội tại của các hiện tượng. Tư duy phản biện lúc này không còn bị giới hạn bởi những nhị nguyên giản đơn (đúng/sai, phải/trái, cá nhân/tập thể...), mà được nâng lên thành một cái nhìn biện chứng, thấy được sự chuyển hóa giữa các mặt đối lập và xu hướng phát triển của hiện thực. Nó cho phép người tư duy vượt qua cái nhìn tĩnh tại, cố định để đi vào bản chất năng động và tự mâu thuẫn của khái niệm - nơi mà cái chân thực chỉ xuất hiện khi vượt qua chính mâu thuẫn của mình. Như vậy, khi được soi sáng bởi tư duy khái niệm Hegel, tư duy phản biện không chỉ là công cụ phê phán hay kỹ thuật lập luận, mà còn trở thành phương thức tự-phát triển của tinh thần. Đó là một hành trình mà trong đó chủ thể không chỉ hướng ra thế giới để hiểu biết, mà đồng thời cũng hướng vào chính mình để vượt qua những giới hạn cố hữu. Chân lý, trong nghĩa đó, không chỉ là cái được phát hiện, mà là cái được hình thành thông qua sự phát triển nội tại của tư duy, nơi

mà mỗi bước phản biện là một bước tiến tới tự do và minh triết.

Một đóng góp nổi bật nữa của tư duy khái niệm theo cách tiếp cận của Hegel đối với tư duy phản biện là cách ông lý giải về mâu thuẫn: Mâu thuẫn không bị xem như một lỗi lầm hay sự bất toàn cần loại bỏ, mà là động lực nội tại của cả tư duy và hiện thực. Hegel khẳng định, khái niệm không bao giờ đứng yên, mà luôn vận động trong chính quá trình tự phủ định; bất kỳ cái gì tồn tại cũng đồng thời chứa đựng trong nó yếu tố phủ định bản thân, và chính sự phủ định ấy lại là nhân tố làm cho nó vượt thoát khỏi sự trực tiếp, chuyển sang một cấp độ phát triển cao hơn. Do đó, mâu thuẫn không phải là điểm kết thúc của tư duy, mà là điểm khởi đầu của sự sáng tạo và đổi mới. Ở bình diện tư duy phản biện, điều này mang ý nghĩa quan trọng: Thay vì né tránh, phủ nhận hay đơn giản hóa mâu thuẫn, người tư duy phản biện cần nhìn thấy trong đó những khả năng phát triển mới, biết cách khai thác sức mạnh của mâu thuẫn để phát hiện ra những giới hạn, những điểm thiếu nhất quán của hệ thống lập luận, từ đó tìm ra giải pháp mới mang tính hợp lý và toàn diện hơn. Chính nhờ quan điểm này, Hegel đã đặt nền tảng cho một hình thức tư duy phản biện có khả năng đi sâu vào bản chất của sự vật, không dừng lại ở việc chỉ trích hay phủ nhận đơn thuần, mà hướng tới sự phát triển và tự hoàn thiện của tri thức.

Tư duy khái niệm trong *Khoa học Logic* (1816) của Hegel còn đưa tư duy phản biện vượt khỏi tính chất kỹ thuật để trở thành một loại hình tư duy mang tính lịch sử-logic. Theo Hegel, tư duy khái niệm trải qua quá trình phát triển mang tính lịch sử và tuân theo các quy luật logic. Như vậy, mỗi hành vi tư duy phản biện không chỉ là hành vi cá nhân, mà còn là một “khâu” (Moment) trong sự phát triển của tư duy và tri thức nhân loại, theo đó con người không ngừng vượt qua trạng thái phi-chân lý để đạt đến chân lý ngày càng sâu sắc và thấu đáo hơn.

Như vậy, tư duy khái niệm trong *Khoa học Logic* (1816) của Hegel không chỉ là một lý thuyết triết học trừu tượng mang tính siêu hình, mà còn là một nguồn tư liệu có giá trị đối với việc xây dựng và phát triển tư duy phản biện một cách toàn diện và sâu sắc. Hegel đã lý giải về tư duy như một tiến trình biện chứng, trong đó mỗi khái niệm không tồn tại tĩnh tại mà luôn vận động, tự mâu thuẫn, phủ định, và vượt bỏ để phát triển. Những yếu tố này có thể được kết hợp với tư duy phản biện hiện đại. Thông qua đó, người có tư duy phản biện không chỉ tiếp cận sự việc dưới dạng hiện tượng tách rời, mà còn được trang bị năng lực nhận thức bản chất trong sự vận động, mâu thuẫn và tự - chuyển hóa của thực tại. Việc tiếp thu tư duy khái niệm theo tinh thần Hegel có thể giúp tư duy phản biện vượt khỏi giới hạn của kỹ thuật lập luận, để trở thành một hình thức tự-phát triển của tinh thần, nơi người tư duy không chỉ đánh giá đối tượng, mà còn liên tục phản tư về chính cách mình tư duy, từ đó tiến dần đến một tri thức sâu sắc và hợp lý hơn về thế giới và về chính mình.

### 3. KẾT LUẬN

Tư duy khái niệm trong *Khoa học Logic* (1816) của Hegel không chỉ là mang tính triết học trừu tượng mà bao hàm những nội dung cụ thể, có thể góp phần tích cực vào sự phát triển tư duy phản biện trong thế giới hiện đại. Thông qua việc trình bày toàn bộ tiến trình vận động của tư duy từ tồn tại đến bản chất và sau cùng đến khái niệm - với các quy định nội tại, sự chuyển hóa biện chứng và cơ chế gắn với sự phủ định - sự vượt bỏ - Hegel không chỉ khai mở một mô hình tư duy có khả năng đi đến bản chất của sự vật, mà còn có vai trò đáng kể trong việc định vị lại khái niệm “phản biện” như một hình thức tư duy mang tính triết học sâu sắc chứ không chỉ là thao tác kỹ thuật đơn thuần.

Ý nghĩa quan trọng của tư duy khái niệm đối với tư duy phản biện nằm ở khả năng “vượt bỏ” những ranh giới cứng nhắc, nhìn thấy được

mâu thuẫn nội tại trong các khái niệm và hiện tượng, cũng như xác lập khả năng siêu nhận thức - tức là “tư duy về tư duy”. Khi tư duy phân biệt được đặt trên nền tảng khái niệm của Hegel, nó sẽ không dừng lại ở việc đánh giá đúng/sai theo cách nhìn phân đôi, mà sẽ trở thành quá trình tư duy có định hướng, có tính hệ thống, mang tính lịch sử - logic và quan trọng hơn hết là gắn với sự vận động, phát triển của bản thân tinh thần. Trong bối cảnh giáo dục, khoa học và xã hội hiện đại - với khối lượng lớn thông tin và những xung khắc về quan điểm diễn ra thường xuyên, thì nhu cầu hình thành một năng lực tư duy phân biệt sâu

sắc, có nền tảng triết học vững chắc càng trở nên cấp thiết. Chính vì vậy, tư duy khái niệm theo Hegel có thể đóng vai trò của lý luận có giá trị tham khảo, vừa giúp con người rèn luyện khả năng tư duy độc lập, tự - phản tư, vừa hướng tới việc nhận thức được toàn thể, tất yếu và chân lý nằm ẩn dưới những hiện tượng đa tạp. Việc ứng dụng tinh thần triết học Hegel trong việc đào tạo và phát triển tư duy phân biệt là một hướng đi tiềm năng để góp phần xây dựng con người tri thức của thời đại mới: Không chỉ biết hoài nghi, chất vấn, mà còn có khả năng thấu hiểu, đối thoại và vươn tới sự thật trong tính toàn thể của nó.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ben-Erthraim, S. (2023), *Tư duy phân biệt – Từ làm quen đến thói quen* (An Tri dịch), Nxb Công Thương, Hà Nội.
- [2] Croucher, C.J. (2023), *Giải phóng sức mạnh tư duy phân biệt* (Duy Anh, Anh Dũng dịch), Nxb Công Thương, Hà Nội.
- [3] Hegel, G.W.F. (1832-1845/2020), *Wissenschaft der Logik II*, Berlin: Suhrkamp Verlag Berlin.
- [4] Hegel, G.W.F. (1977), *The Phenomenology of Spirit* (translated by A.V. Miller), Oxford University Press, Oxford.
- [5] Hegel, G.W.F. (2010), *Encyclopedia of the Philosophical Sciences in Basic Outline - Part I: Science of Logic* (translated and edited by K. Brinkmann & D. O. Dahlstrom), Cambridge University Press, Cambridge.
- [6] Hegel, G.W.F. (2010), *The Science of Logic* (translated by George di Giovanni), Cambridge University Press, Cambridge.
- [7] Laurentiis, A. de & Edwards, J. (Eds) (2013), *The Bloomsbury Companion to Hegel*, Bloomsbury Academic London, New Delhi, New York, Sydney.
- [8] Limnatis, N.G. (2008), *German Idealism and the problem of Knowledge*, Dordrecht, Berlin: Springer Science + Business Media Dordrecht, New York.
- [9] Magee, G.A. (2010), *The Hegel Dictionary*, Continuum International Publishing Group, London, New York.